CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dược thú y Cai Lậy

Ngày 30/09/2025	9,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**6.7%**	**-5.0%**

DT thuần
Q3/25
42.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.40| 24.7%
YoY: ▲ 11.4| 36.9%

LN thuần
Q3/25
7.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.27| 150%
YoY: ▲ 4.79| 207%

LN sau thuế
Q3/25
5.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.42| 151%
YoY: ▲ 3.84| 208%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
16.9%
YoY: +/-▲ 8.5%

ROE (TTM)
Q3/25
11.1%
YoY: +/-▲ 3.9%

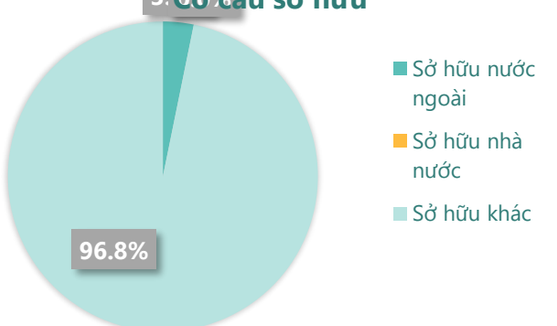
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,500 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	48
Số lượng CPLH (CP)	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,445
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	0.29
EPS	2,034
P/E	4.7

DT thuần
9T 2025
109
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.7| 32.9%

LN thuần
9T 2025
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.48| 39.0%

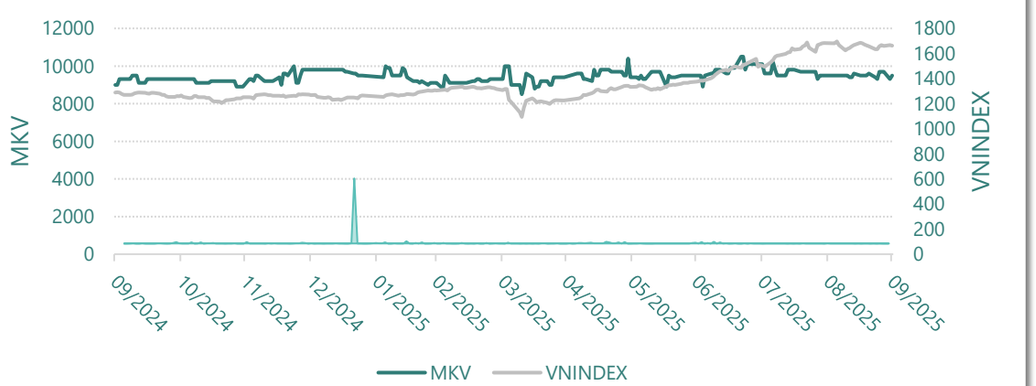
LN sau thuế
9T 2025
9.92
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.79| 39.1%

Cơ cấu sở hữu

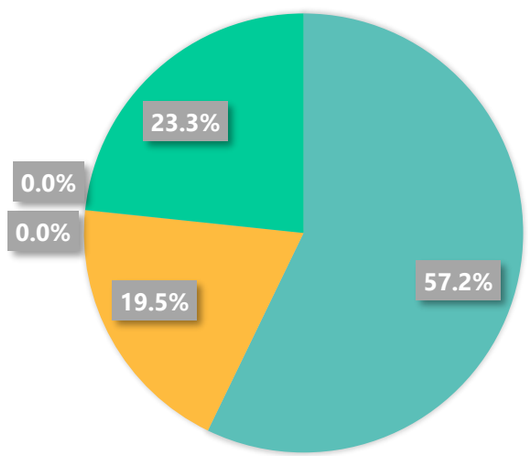


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



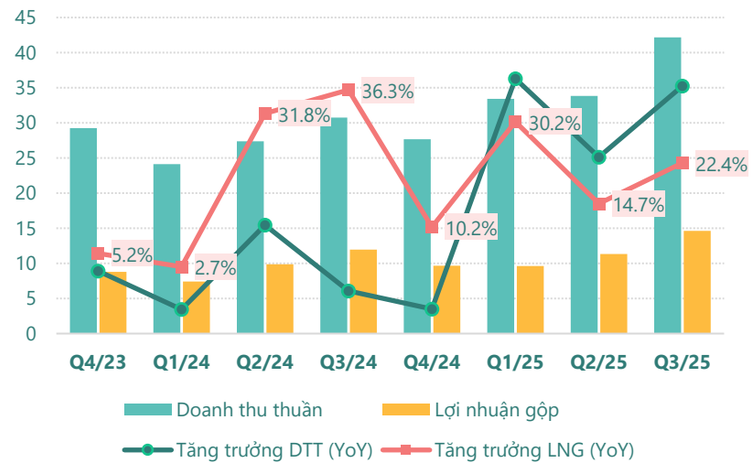
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

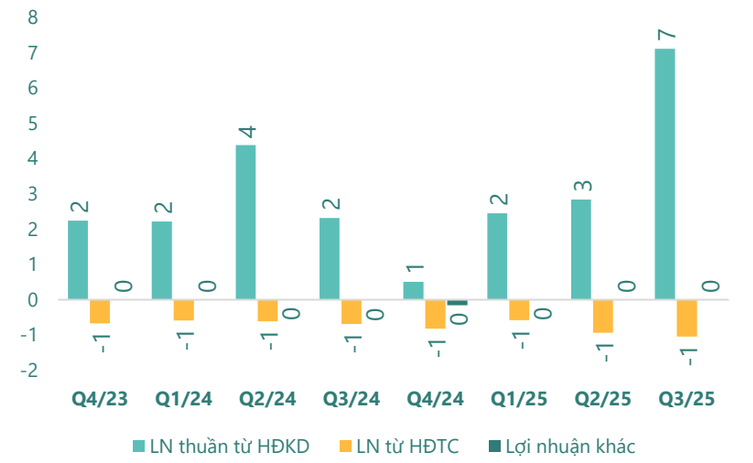
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



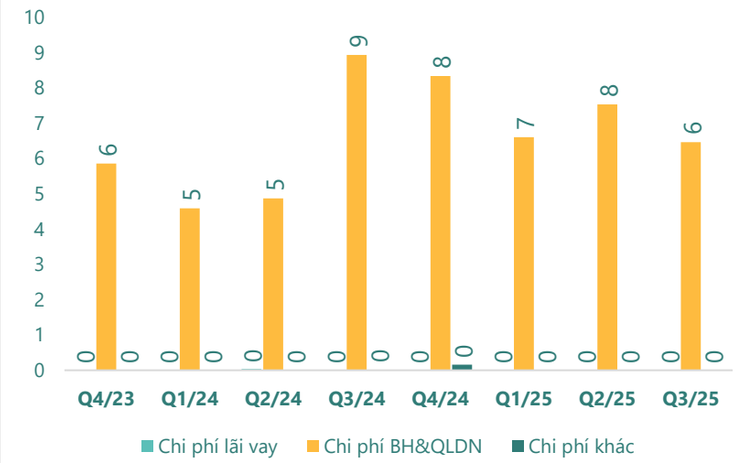
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



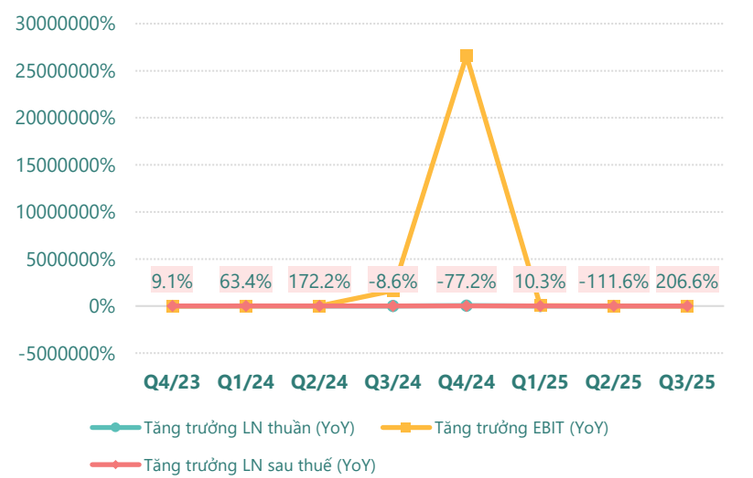
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



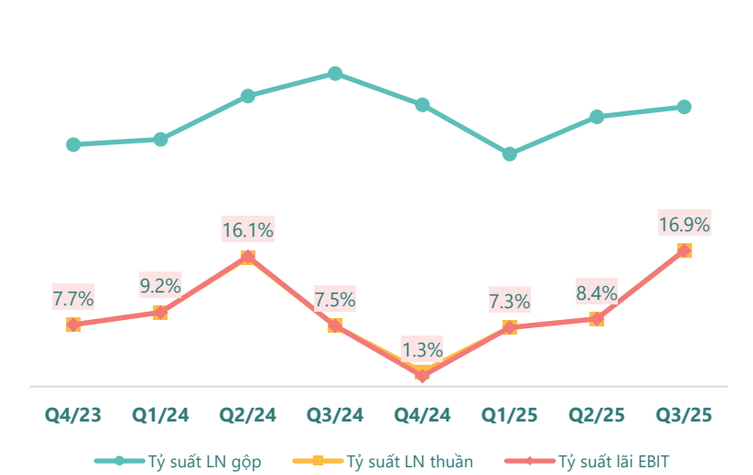
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



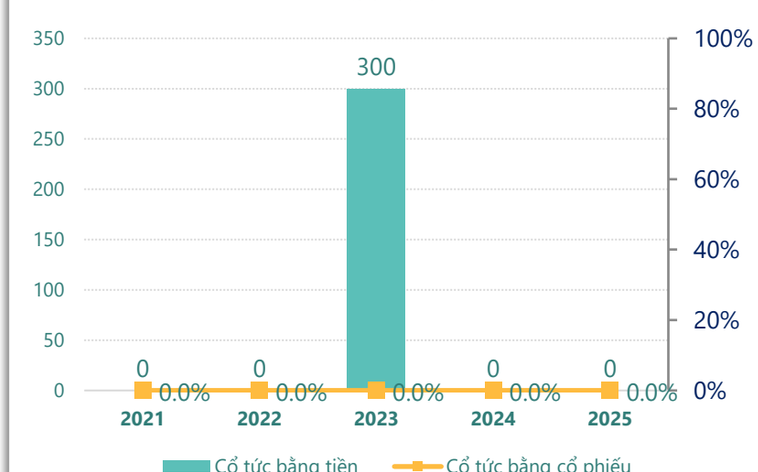
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

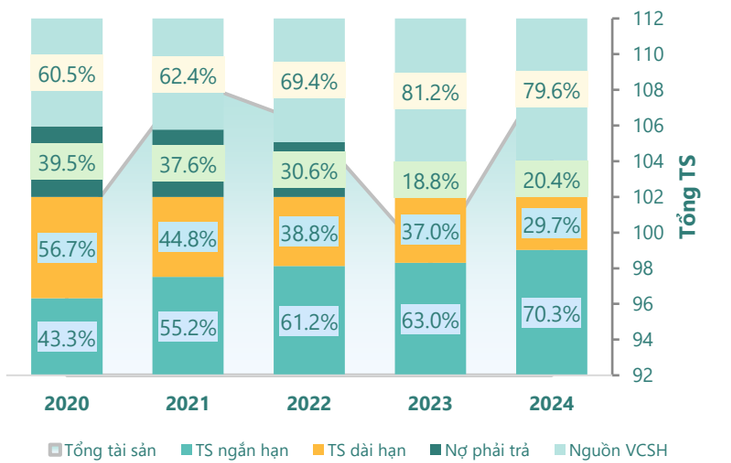
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

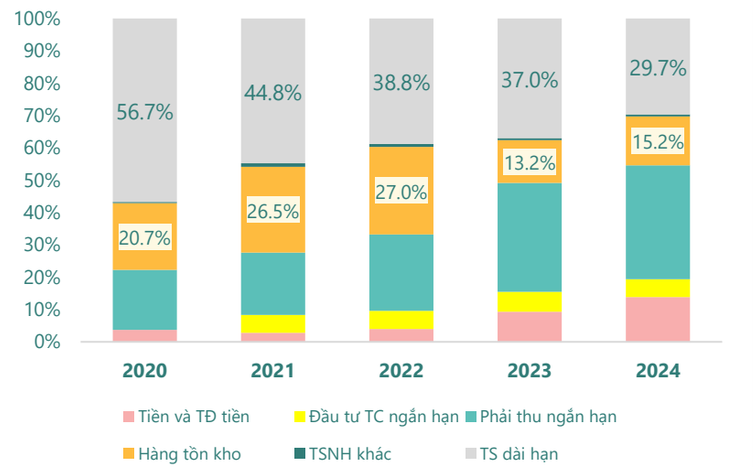
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



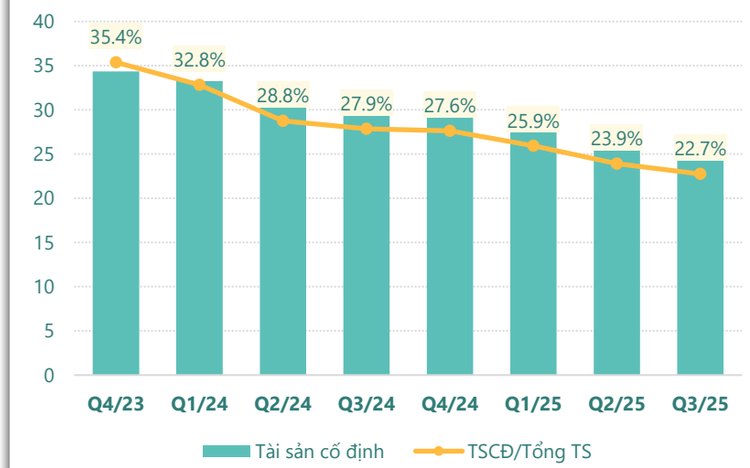
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



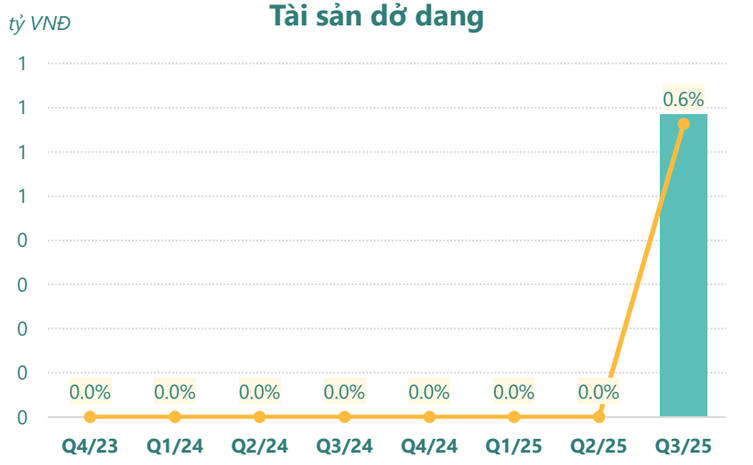
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



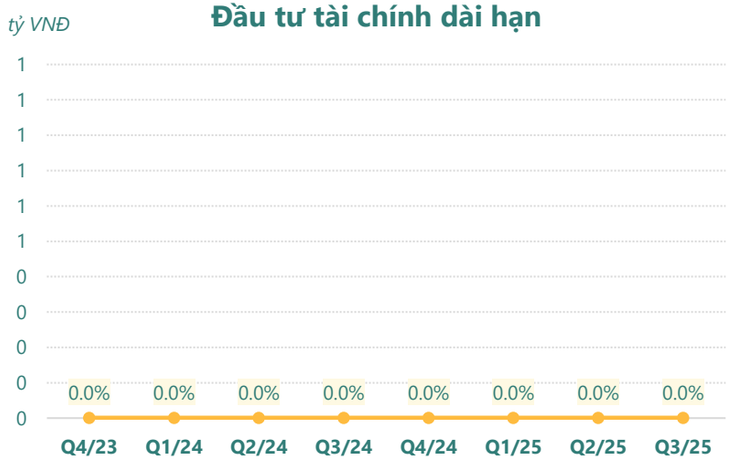
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



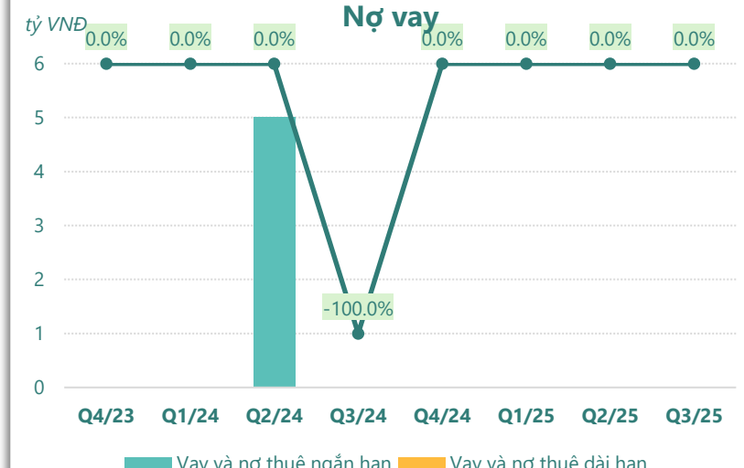
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

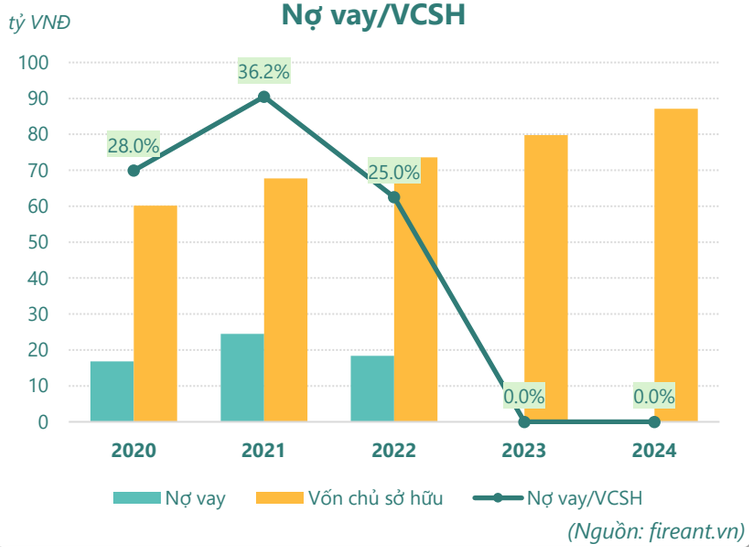
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

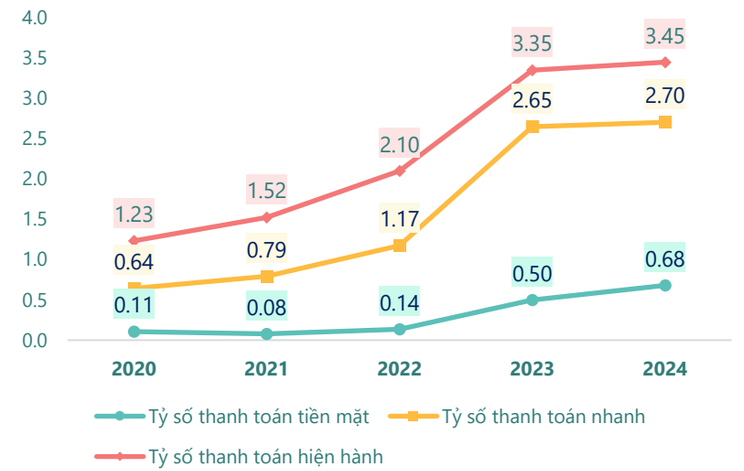
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



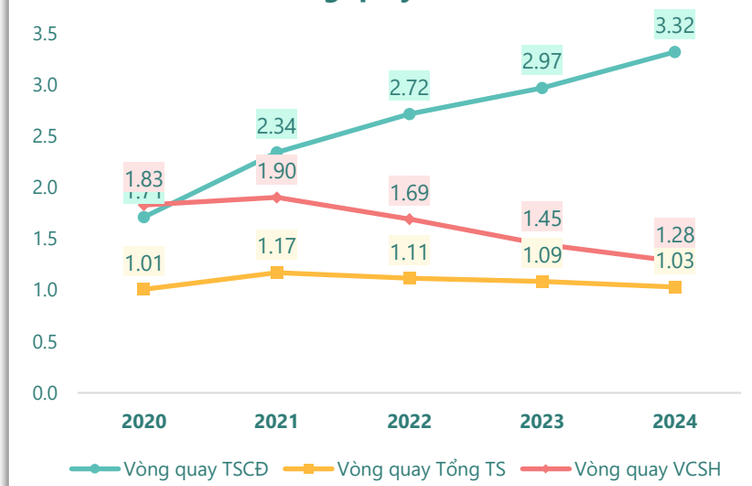
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



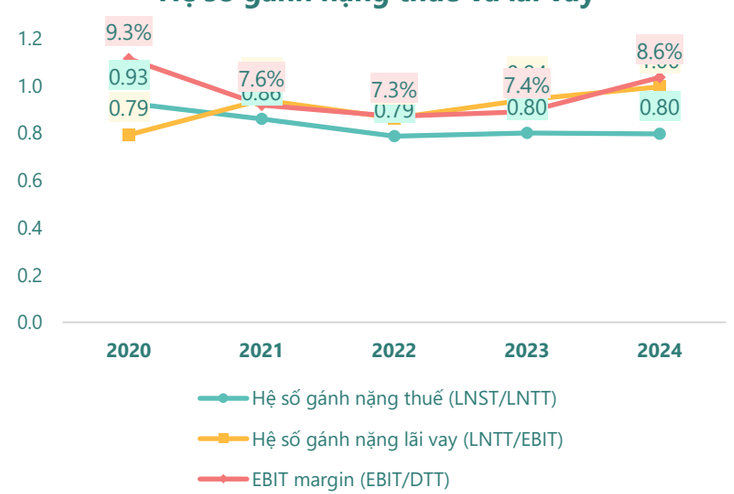
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



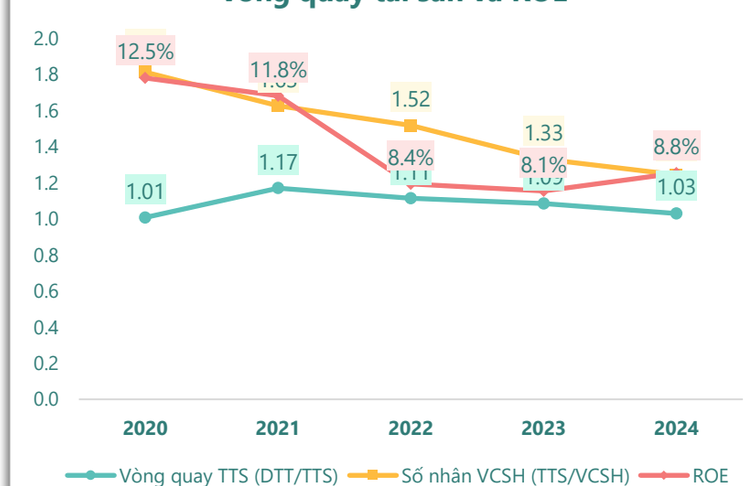
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



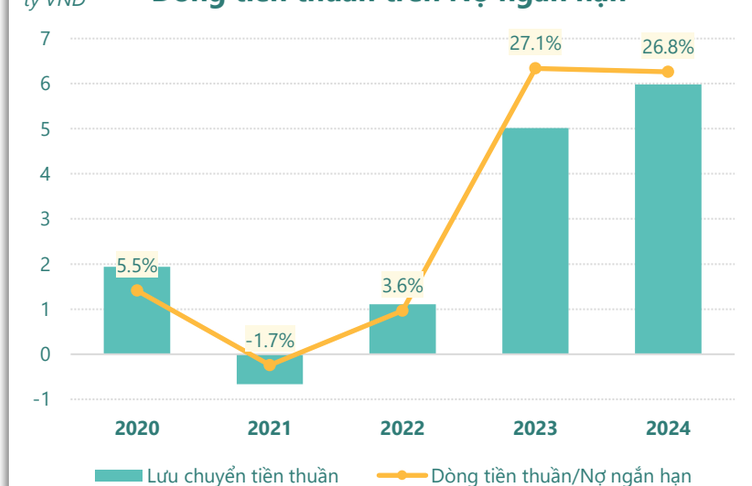
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**42.2**	**30.8**	**36.9%**	**109**	**82.3**	**32.9%**
Giá vốn hàng bán	27.5	18.8	46.5%	73.8	53.1	39.1%
Lợi nhuận gộp	14.6	11.9	22.9%	35.6	29.2	21.8%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.15	1.5%	0.50	0.34	47.5%
Chi phí TC	1.19	0.83	43.9%	3.06	2.22	37.6%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.04	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.46	7.13	-9.4%	16.1	12.9	25.4%
Chi phí QLDN	**0.01**	**1.82**	**-99.6%**	**4.48**	**5.54**	**-19.1%**
LN thuần từ HĐKD	7.11	2.32	207%	12.4	8.92	39.0%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.01**	**100%**	**0.00**	**-0.01**	**89.3%**
LN trước thuế	7.11	2.31	208%	12.4	8.91	39.1%
Lợi nhuận sau thuế	**5.69**	**1.85**	**208%**	**9.92**	**7.13**	**39.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.69**	**1.85**	**208%**	**9.92**	**7.13**	**39.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.46	7.94	3.38	2.19	5.97	6.71
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.16	0.15	0.12	-0.84	-9.92	16.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.01	-10.0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	9.90	13.6	11.7	15.2	16.5	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	**3.71**	**-1.93**	**3.49**	**1.35**	**-3.95**	**23.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.6	11.7	15.2	16.5	12.6	35.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**118**	**109**	**7.6%**
Tài sản ngắn hạn	88.8	77.0	15.4%
Tiền và tương đương tiền	35.9	15.2	137%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	6.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	31.6	38.5	-18.1%
Hàng tồn kho	20.1	16.6	21.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.23	0.63	94.8%
Tài sản dài hạn	**29.0**	**32.5**	**-10.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	26.8	30.1	-11.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.68	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.55**	**2.37**	**-34.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	20.8	22.3	-6.9%
Nợ ngắn hạn	**20.8**	**22.3**	**-6.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.33	1.54	377%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**97.1**	**87.1**	**11.4%**
Vốn chủ sở hữu	**97.1**	**87.1**	**11.4%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)